

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/08/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+BK6+P4	7:25	5+0+17	0+0+0		3+0+13	0+0+0	chuyen 2 bk6-p4
2		BK15+P10	7:25	9+13	0+0		6+16	0+0	
3		TD1	7:25	21	0		22	0	
4		P9+P11	7:25	8+11	0+0		7+12	0+0	puma
5		BK10+P10	9:25	6+16	0+0		4+18	0+0	
6		P4+P9	9:25	5+14	0+0		1+18	0+0	puma
7		P2+TD3+RC6	9:25	21+1+0	0+0+0		15+0+7	0+0+0	
8		P4+BK15+BK6	11:25	19+3+0	0+0+0		0+12+10	0+0+0	
9		TD2+BK4+P2	11:25	8+5+9	0+0+0		6+7+9	0+0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P4-Ing, BK15-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/08/2024	TO: P9 - BK6 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - ĐNAM - TOAN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VASIANKIN A.A.	P9	98	1	10		121	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN MẠNH HUNG	P9	95	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HIẾU	P9	94,96	2	9		68	YTE	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HUNG (HLO)	P9	97	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ MINH THUY (5406)	P9	900	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐẠI PHÚC	P4					65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN LÊ HUY	P4	10	1	5		71	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	06	1	4		72	KHI	Vietnamese
9	TRẦN VĂN PHÚC	P4	08-09	2	7		70	KHI	Vietnamese
10	PHẠM QUỐC DUY	P4	07	1	3		60	KHI	Vietnamese
11	LÊ VĂN MẠNH	P4					60	KHI	Vietnamese
12	TRẦN VĂN NĂM	P4	14	1	4		72	KHI	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	02	1	5		77	KHI	Vietnamese
14	LÊ VĂN HOÀN	P4	03	1	4		70	KHI	Vietnamese
15	LÊ QUANG VINH	P4	05	1	6		69	KHI	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN TRÚC	P4	15	1	8	73	67	KHI	Vietnamese
17	DƯƠNG ĐÌNH HIẾN	P4	04	1	4	90	67	KHI	Vietnamese
18	ĐÌNH NGỌC QUY	P4	12	1	4		75	KHI	Vietnamese
19	LÊ TRUNG LÂM	P4					72	KHI	Vietnamese
20	BUI ĐĂNG TIẾN	P4	01	1	5		70	KHI	Vietnamese
21	TRẦN SƠN TIẾN	P4	11	1	6		68	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN MINH CANG	P4	13	1	5		77	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	5	6	38	414	0	3		CHUYEN 2 PAX TU BK6-P4
2	BK6	0	0	0	0	0	0	2	
3	P4	17	15	70	1.182	163	13		
TOTAL		22	21	108	1.596	163	16		
WEIGHT KG				108	1.596	163			

GRAND TOAL: 1.867 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/08/2024	TO: BK15 - P10	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HỮC - DŨNG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LARIN M.	BK15	39	1	3		100	D-HANH	Russian
2	NGUYỄN DUY ANH	BK15					65	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC HAI	BK15	33	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH THANG	BK15	32	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DƯƠNG HỒE	BK15	35-36	2	16		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC TUNG	BK15	31	1	3	20	60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG KHA	BK15	34	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ MẠNH HÙNG	BK15					78	ANTOAN	Vietnamese
9	ĐẠO VĂN HOAN	BK15	37-38	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
10	K LỘC	P10	34	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HUYNH VŨ	P10	93	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH KHOA	P10	99	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN BAO LÂM	P10	98	1	6	40	74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY NGỌC	P10	96	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10					83	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIEN HOANG SON	P10	97	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	94	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC BA	P10					78	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ BAO TRUNG	P10	100	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM NGỌC THANH	P10	91	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN LỢI	P10	92	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN GIÁP	P10	95	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	9	9	57	666	20	6		
2	P10	13	11	71	956	40	16		
TOTAL		22	20	128	1.622	60	22		
WEIGHT KG				128	1.622	60			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/08/2024	TO: TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - N.CƯỜNG -	ETA: 09:20
xanh-1		DTÙNG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BADRETDINOV EDGAR	TD1	25	1	5	80	78	KHOAN	Russian
2	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	20	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	16	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THIỆU	TD1	23	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM ĐỨC TUẤN	TD1	22	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	MAI ANH TUẤN	TD1	19	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
8	BUI VĂN NINH	TD1	12	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC DUNG	TD1	14	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	21	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
11	NOROV DENIS	TD1	26	1	13		85	KHOAN	Russian
12	PHẠM TIẾN NINH	TD1	24	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN HUY QUANG	TD1	10	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG DUY LINH	TD1	27	1	9		74	VSP	Vietnamese
15	TO VAN DUC	TD1	15	1	5		65	VTB	Vietnamese
16	PHẠM THE THUẬN	TD1	17	1	5		72	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TẤT LỘC	TD1	13	1	4		58	PSV	Vietnamese
18	HOANG NGỌC KHANH	TD1	18	1	5		75	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	TD1	11	1	5		58	PSV	Vietnamese
20	KHUAT NGOC THANG	TD1	28	1	7	131	79	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	20	19	112	1.439	211	22		
TOTAL		20	19	112	1.439	211	22		
WEIGHT KG				112	1.439	211			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/08/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	TO: P9 - P11	CREW: CÔNG - VLINH	ETA: 09:35
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ ĐỨC MINH	P9	84	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUAN DUY	P9	87,92	2	8		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN XUAN TRƯƠNG	P9	59	1	13		65	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI NGOC THÂN	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ AN CHUNG	P9	69	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ MINH THUY (15598)	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT CUÔNG	P9	93	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT THĂNG	P9	72	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN THANH HAI	P11	86	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY HA	P11	87-88	2	12		85	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VIỆT DŨNG	P11	76	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	77	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN KIM THẠCH	P11	81-82	2	7		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC XUAN	P11	83-84	2	10		57	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU NGŨ	P11	79	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	P11	78	1	6		102	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN TUÂN	P11	85	1	7		88	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN HAI TRUNG	P11	73-74	2	7		73	PSV	Vietnamese
19	VÕ ĐỨC NGHĨA	P11	75	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	8	7	40	563	0	7		
2	P11	11	15	75	817	0	12		
TOTAL		19	22	115	1.380	0	19		
WEIGHT KG				115	1.380	0			

GRAND TOAL: 1.495 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/08/2024	TO: BK10 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: VTHANG - N.CUONG -	ETA: 11:40
XANH-2		DTUNG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG TÂN (HLO)	BK10	20	1	5	20	85	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG VŨ	BK10					80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HOÀNG GIANG	BK10	18-19	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ TUẤN HÙNG	BK10	17	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRƯỞNG AN	BK10	56	1	14		82	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HỒNG CUƠNG	BK10	99,200	2	20		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CUƠNG	P10	89	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ĐÌNH CUƠNG	P10	95	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	90	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	81	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ CHÍ HIỆU	P10	82	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	85	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM QUỐC CUƠNG	P10	96	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM HIỆU LIÊM	P10	88	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ ĐÌNH QUANG	P10	93-94	2	20		77	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN CUƠNG	P10	79-80	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI THẾ MẠNH	P10	86-87	2	10		78	YTE	Vietnamese
18	PHẠM TRẦN THANH PHÚC	P10	78	1	5		85	PSV	Vietnamese
19	PHẠM HỒNG PHƯỚC	P10	84	1	10		65	PSV	Vietnamese
20	HỒ NGỌC THÀNH	P10	91	1	6		59	PSV	Vietnamese
21	DƯƠNG TRI THANH	P10	92	1	6		60	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN HOÀNG TRINH	P10	83	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	6	7	53	448	20	4		
2	P10	16	19	116	1.105	0	18		
TOTAL		22	26	169	1.553	20	22		
WEIGHT KG				169	1.553	20			

GRAND TOAL: 1.742 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/08/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 10:05
FLIGHT: 6	TO: P4 - P9	CREW: CÔNG - VLINH	ETA: 11:55
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ NGOC TUAN	P4	29	1	5	27	85	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN VIET THANG	P4	26	1	5		76	KHI	Vietnamese
3	ĐO VAN THANH	P4	27	1	8		83	KHI	Vietnamese
4	TRAN BINH ĐUC	P4	28	1	6		69	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN ANH SON	P4	25	1	10		70	KHI	Vietnamese
6	HỒ SI BINH	P9	87	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ ĐÌNH THUẬN	P9	93	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN VAN BANG	P9	79	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VAN DUNG	P9	78	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN NGUYEN MANH TUONG	P9	84	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN TUNG	P9	89	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN HAI	P9	86	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN CU	P9					57	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN CAO CHI	P9	82	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ TRƯỜNG KIEN	P9	80-81	2	14		94	KH-THAC	Vietnamese
16	NGHIEM ANH THANH	P9	85	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P9	90,92	2	11		64	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG HUU THUAN	P9	83	1	5		63	CODIEN	Vietnamese
19	PHAM NGOC PHUONG	P9	88	1	10	108	73	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	5	5	34	383	27	1		
2	P9	14	15	85	945	108	18		
TOTAL		19	20	119	1.328	135	19		
WEIGHT KG				119	1.328	135			

GRAND TOAL: 1.582 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Linh VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/08/2024	TO: P2 - TD3 - RC6	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - ĐNAM - TOAN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE VAN LONG	P2	83-84	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN KHAC QUOC	P2	81	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN SON	P2	96	1	5		69	CANTI	Vietnamese
4	NGUYEN TU THANG	P2	99	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THE ANH	P2	94	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
6	LUU VAN DIEP	P2	95	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
7	VU THANH LONG	P2	93	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TUAN DAT	P2	98	1	3		83	KH-THAC	Vietnamese
9	VO ANH NGOC	P2	88	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN DINH DAI	P2	89	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
11	HA VAN TRUNG	P2	79-80	2	17		78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU PHI	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
13	DUONG VAN THUAN	P2	92	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
14	DAO QUANG THIET	P2	91	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐANG TRỌNG THAO	P2	97	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOAN KHÁC CÁN	P2	700	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN DO	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG HOANG HIEU	P2	87	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN TINH	P2	85-86	2	10	40	60	KH-THAC	Vietnamese
20	DUONG DINH QUAN	P2	90	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN DAT	P2	82	1	10	13	73	KH-THAC	Vietnamese
22	HO DINH LOC	TD3	06	1	6		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	21	22	133	1.470	53	14		
2	TD3	1	1	6	75	0	1		
3	RC6	0	0	0	0	3	7		
TOTAL		22	23	139	1.545	56	22		
WEIGHT KG				139	1.545	56			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/08/2024	TO: P4 - BK15 - BK6	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HUNG - SON - THANH	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE TUAN ANH	P4	64	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
2	MIRSAIAPOV R.	P4	73	1	4		104	KH-THAC	Russian
3	PHAM THAI SON	P4	80-81	2	14	43	60	CODIEN	Vietnamese
4	DO VIET LONG	P4	78	1	6	15	61	CODIEN	Vietnamese
5	HA QUANG HUY	P4	72	1	8		67	CODIEN	Vietnamese
6	LUU VAN DAN	P4	84	1	14		60	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN TRI PHUOC	P4	79	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
8	LE NGOC ANH	P4	77	1	9		76	CODIEN	Vietnamese
9	PHAM TRONG NGHIA	P4	76	1	15		90	CODIEN	Vietnamese
10	LE VAN TIEN	P4	71	1	10		63	CODIEN	Vietnamese
11	VUONG DUC TRONG	P4	70	1	5		73	CODIEN	Vietnamese
12	TRAN QUOC BINH	P4	82-83	2	11		63	CODIEN	Vietnamese
13	DOAN XUAN HAI	P4	75	1	7		84	CODIEN	Vietnamese
14	HA VAN TRUONG	P4	69	1	12		56	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM VAN CAO	P4	68	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
16	DOAN VAN THUAN	P4	65	1	14		68	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN NGOC DUONG	P4	66	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
18	DOAN DINH THANH	P4	74	1	7		60	PSV	Vietnamese
19	LE DAC NHA	P4	67	1	5		63	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN HAM CHUNG	BK15	29	1	8		71	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAM HONG VU	BK15	27-28	2	18		45	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN MANH QUAN	BK15	26	1	9		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	19	21	175	1.313	58	0		
2	BK15	3	4	35	187	0	12		
3	BK6	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		22	25	210	1.500	58	22		
WEIGHT KG				210	1.500	58			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/08/2024	TO: TD2 - BK4 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: VIỆT - HTRUNG - TÚ	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO VĂN ĐỨC (HLO)	TD2	58	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
2	VU XUAN THUY	TD2	57	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
3	CHU QUYNH AN	TD2	56	1	6		100	KH-THAC	Vietnamese
4	LUONG VIET HOP	TD2	60	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
5	USATENKO DMITRII	TD2	63	1	12		99	DVL	Vietnamese
6	VU ANH TRONG	TD2	64	1	10		73	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NAM.	TD2	61-62	2	20		69	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LINH	TD2	59	1	3		69	PSV	Vietnamese
9	ĐÔNG VĂN THỊNH	BK4	20	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN ĐĂNG TUAN	BK4	22	1	9	10	70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO ĐĂNG ĐỨC	BK4					82	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM XUAN MANH	BK4	23	1	4		68	PSV	Vietnamese
13	VU TIEN NGOC	BK4	21	1	8		82	DK9	Vietnamese
14	ĐÀNG VĂN HỘI	P2	76	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
15	LUONG TUAN ANH	P2	74-75	2	11		90	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HONG QUYET	P2	57-58	2	15	30	62	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN LAM	P2	73	1	8		93	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYEN CONG AN	P2	69-70	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VIET LOC	P2	61-62	2	16	33	60	XAYLAP	Vietnamese
20	MAI DUY TAN	P2	63-65	3	20		68	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN MINH ĐÔNG	P2	72	1	3		45	PSV	Vietnamese
22	PHẠM VĂN GIANG	P2	71	1	6		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	8	9	72	606	0	6		
2	BK4	5	4	29	387	10	7		
3	P2	9	15	95	629	63	9		
TOTAL		22	28	196	1.622	73	22		
WEIGHT KG				196	1.622	73			

GRAND TOAL: 1.891 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP.

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/08/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+BK6	7:25	22+0	0+0		20+1	0+0	chuyen 2 ppd- bk6
2		TD2+P8	7:25	12+10	0+0		10+12	0+0	
3		VSP02+RP2	7:25	4+16	0+0		4+17	0+0	
4		P10+PPD	9:25	9+13	0+0		0+20	0+0	
5		TTC3+P4+AMD	9:25	2+3+15	0+0+0		0+2+20	0+0+0	
6		BK5+TD2+TD1	9:25	9+11+1	0+0+0		0+18+4	0+0+0	
7		GTCL+AMD	11:25	7+12	0+0		4+18	0+0	
8		RCDM+RC8+RP3	11:25	2+2+15	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
9		T.UNG	11:25	18	0		13	0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/bk6-1 người về đi bk5



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/08/2024	TO: PPD - BK6	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - N.CƯỜNG - THỤ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO CHUNG KIEN	PPD	78	1	5		61	KHI	Vietnamese
2	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	84	1	4		74	KHI	Vietnamese
3	VÕ VĂN QUYÊN	PPD	79	1	2		70	KHI	Vietnamese
4	VU VĂN TRIỆU	PPD	80	1	6		8	KHI	Vietnamese
5	NGO SY THANH	PPD	75	1	4		91	KHI	Vietnamese
6	TRỊNH VĂN CƯỜNG	PPD	85	1	6		62	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH VIỆN	PPD	81-82	2	11		73	KHI	Vietnamese
8	OKOVANTSEV G.F	PPD	87	1	10		120	KHI	Russian
9	ĐO VĂN TUẤN	PPD	76	1	2		65	KHI	Vietnamese
10	TRẦN HUỖNH ANH PHONG	PPD	83	1	5		73	KHI	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC HUNG	PPD	91	1	3		56	KHI	Vietnamese
12	LÊ TRUNG LÂN	PPD	73	1	2		82	KHI	Vietnamese
13	ĐO XUÂN SƠN	PPD	74	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO ĐỨC VỌNG	PPD					66	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN VĂN THẮNG	PPD	90	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI NANG PHONG	PPD	93	1	2		76	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ SY KHOA	PPD					78	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	77	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN VINH	PPD	89	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	92	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	88	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
22	HUỖNH BA NINH	PPD	86	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	21	102	1.521	40	20	+2	CHUYỂN 02 PAX TỪ PPD SANG BK6
2	BK6	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	21	102	1.521	40	21		
WEIGHT KG				102	1.521	40			

GRAND TOAL: 1.623 KGS + 40 Kgs

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/08/2024	TO: TD2 - P8	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HỮC - DŨNG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG CƯỜNG	TD2	79	1	4	7	80	KHOAN	Vietnamese
2	GROMOV SERGEY	TD2	70	1	10		86	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN THANH ANH	TD2	67	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG VĂN BÁC	TD2	66	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG VĂN BÓN	TD2	68	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN LIÊM	TD2	80	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGÔ VĂN HUY	TD2	65	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
8	ĐO VĂN HUNG	TD2	76	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN SỸ HIỆU	TD2	71	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG VĂN DUƠNG	TD2	72-73	2	12		75	PVCHEM-T	Vietnamese
11	NGO QUANG HUNG	TD2	74-75	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM THANH GIANG	TD2	69	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN CHI LINH	TD2	77	1	10		84	DVL	Vietnamese
14	BAN PHUC LONG	TD2	78	1	15		72	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC LÊ	P8	40	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN BÌNH MINH	P8	41	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
17	ĐẶNG THANH TRUNG	P8	92	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG BA VINH	P8	90	1	15	12	91	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	P8	43	1	9		71	PSV	Vietnamese
20	LÊ CAO HAI	P8	42	1	10		63	PSV	Vietnamese
21	LÊ VĂN DUƠNG	P8	44	1	9		55	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT TOÀN	P8	89	1	6		93	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	14	16	107	1.045	7	10		
2	P8	8	8	66	597	12	12		
TOTAL		22	24	173	1.642	19	22		
WEIGHT KG				173	1.642	19			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/08/2024	TO: VSP02 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - SON - MQUÂN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGỌC TỬ	VSP02				60	82	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	VSP02	25	1	3		61	PSV	Vietnamese
3	HÀN VĂN HIẾU	VSP02	27	1	6		79	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN VŨ BA LINH	VSP02	26	1	3		68	PSV	Vietnamese
5	ARUSHANOV SERGEI	RP2	17	1	12		111	KHOAN	Russian
6	NGUYỄN TRỌNG THUY	RP2				60	67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN XUÂN	RP2	16	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ĐAM	RP2	13	1	7		84	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TỰ ĐỘ	RP2	22	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC DỤC	RP2	24	1	7		58	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG TRUNG HIẾU	RP2	23	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN LÊN	RP2	31	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN HỒNG NGŨ	RP2	30	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HÙNG	RP2	18	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT MINH	RP2	15	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM XUÂN HUY	RP2	19	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN SƠN	RP2	33	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
18	NGÔ HỒNG GIANG	RP2	14	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
19	HỒ THAI HÙNG	RP2	11-12	2	13		95	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ HAI NAM	RP2	20	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	4	3	12	290	60	5		
2	RP2	16	16	98	1.151	60	17		
TOTAL		20	19	110	1.441	120	22		
WEIGHT KG				110	1.441	120			

GRAND TOAL: 1.671 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/08/2024	TO: P10 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: DUONG - N.CUONG - THU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ ĐỨC HẬU	P10	600	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN KHÁC THIỆP	P10	10	1	16		55	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM VĂN DUÔNG	P10	01	1	13		62	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC QUÂN	P10	13-14	2	11	55	54	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU CHÍNH	P10	06-07	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN MẠNH HÙNG	P10	05	1	14	16	79	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM VĂN TỰ	P10	08	1	7	16	69	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TỎ	P10	02-03	2	18		50	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐÀO ĐỨC TRƯỜNG	P10	11-12	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
10	TÔ QUANG HUY	PPD	57	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PPD	56	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ XUÂN HÀ	PPD	58	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ SÁCH ĐỨC	PPD	66	1	5	6	73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC CỬ	PPD	70	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC KHANG	PPD	64-65	2	19		79	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN CÔNG PHU	PPD	67	1	10	25	77	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN THỂ HÙNG	PPD	69	1	5		76	KHI	Vietnamese
18	BUI NGỌC HUƠNG	PPD	60	1	7		64	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH TỰ	PPD	61	1	9		75	KHI	Vietnamese
20	LUƠNG MẠNH DUÔNG	PPD	62	1	6		60	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	59	1	4		75	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN	PPD	68	1	9		64	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	9	13	135	559	87	0		
2	PPD	13	14	95	901	31	20		
TOTAL		22	27	230	1.460	118	20		
WEIGHT KG				230	1.460	118			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/08/2024	TO: TTC3 - P4 - AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - SƠN - MQUÂN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	TTC3	67-68	2	20	38	81	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH TUẤN	TTC3	66	1	14		68	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔ TIẾN DUNG	TTC3	59,80,96	3	18		75	KH-THAC	Vietnamese
4	VÔ NGỌC THAI SƠN	TTC3	60	1	10	47	75	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC TÙNG	P4	92	1	6	31	72	CODIEN	Vietnamese
6	HOÀNG MINH HẢI	P4	91	1	5		78	CODIEN	Vietnamese
7	LÊ THANH TUẤN	P4	90	1	5		90	ANTOAN	Vietnamese
8	DƯƠNG NHẬT QUANG	AMD	70	1	6		63	BAB	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY LAM	AMD	64	1	10		65	HLJOC	Vietnamese
10	NGO SỸ DỤC	AMD	52-53	2	20		98	HLJOC	Vietnamese
11	NGUYỄN NHƯ BAO CHUÔNG	AMD	47	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM TUẤN HÀ	AMD	65-66	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
13	TRỊNH VĂN PHA	AMD	58-59	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG CÔNG TÂN	AMD	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN NGỌC PHÚC	AMD	60	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN QUANG LONG	AMD	67	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
17	YA LỘC	AMD	49-50	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
18	THAI BA HÙNG	AMD	48	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	CAO VĂN THẮNG	AMD	51	1	4		77	WOGC	Vietnamese
20	VŨ VIỆT THẮNG	AMD	54-55	2	11		66	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC NHÀ	AMD	56-57	2	12		55	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI VĂN HƯƠNG	AMD	62-63	2	7		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	4	7	62	299	85	0		
2	P4	3	3	16	240	31	2		
3	AMD	15	22	127	1.040	0	20		
TOTAL		22	32	205	1.579	116	22		
WEIGHT KG				205	1.579	116			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/08/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:59
FLIGHT: 06	TO: BK5 - TD2 - TD1	CREW: ĐỨC - HỮC - DŨNG	ETA: 11:50
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUONG VAN QUAN	BK5	34	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
2	LE KHANH	BK5	37	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN BA DONG	BK5	30-31	2	10		64	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN DAI THANG	BK5	35-36	2	16		66	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN VAN HUNG	BK5	29	1	23		63	XAYLAP	Vietnamese
6	VÔ HOANG TIEN	BK5	28	1	15	18	78	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN TIEN TRUONG	BK5	38	1	19	20	66	XAYLAP	Vietnamese
8	HO DINH THONG	BK5	32	1	10	15	64	XAYLAP	Vietnamese
9	NGO PHAM THANH HUY 85	BK5	26-27	2	16		85	KH-THAC	Vietnamese
10	TRUONG DUC MANH	TD2	87	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN CONG HIEN	TD2	89	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN QUANG HUNG	TD2	83	1	11		77	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DUC THINH	TD2	86	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
14	BUI MANH PHUC	TD2	90	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
15	LE XUAN THANG	TD2	84-85	2	22		78	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN BAO TRUNG ANH	TD2	91	1	8		81	NIPI	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC VIET	TD2	88	1	5		60	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN HANH	TD2	82	1	6		71	PSV	Vietnamese
19	SHMAKOV ALEXANDER	TD1	05	1	7		80	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	9	12	127	621	53	0		
2	TD2	9	10	87	670	0	16		
3	TD1	1	1	7	80	0	4		
TOTAL		19	23	221	1.371	53	20		
WEIGHT KG				221	1.371	53			

GRAND TOAL: 1.645 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/08/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	TO: GTC1 - AMD	CREW: TUYỀN - HTRUNG - NNAM	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA VAN CANH	GTC1	38,66	2	19		60	KH-THAC	Vietnamese
2	TANG TIEN TOAN	GTC1	20	1	10		78	DVL	Vietnamese
3	LE DUY HUYNH	GTC1	67	1	15		66	DVL	Vietnamese
4	PHAM VAN SANG	GTC1	97	1	12		67	DVL	Vietnamese
5	DO MINH HOANG	GTC1	18	1	15	50	73	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN DUNG	GTC1	19	1	15		61	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN VIET HUNG	GTC1	68-69	2	16		64	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG DUY	AMD	86-87	2	13		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN BA QUAN	AMD	73-74	2	11		79	KH-THAC	Vietnamese
10	LE VAN PHANG	AMD	69	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
11	VU TRUNG HIEU	AMD	75	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TRUONG	AMD	78	1	5		73	PSV	Vietnamese
13	TRAN CAO TANG	AMD	77	1	5	50	76	PSV	Vietnamese
14	TRAN VAN TRUNG	AMD	81	1	3		62	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN LAM THANG	AMD	82	1	3		85	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HUYNH	AMD	72	1	5		75	PSV	Vietnamese
17	PHAN VAN TRONG	AMD	76	1	5		59	PSV	Vietnamese
18	LE TRONG NGHIA	AMD	68,71	2	14		56	NHATHAU	Vietnamese
19	NGUYEN VAN DAN	AMD	79-80	2	7		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	7	9	102	469	50	4		
2	AMD	12	16	85	831	50	18		
TOTAL		19	25	187	1.300	100	22		
WEIGHT KG				187	1.300	100			

GRAND TOAL: 1.587 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/08/2024	TO: RCDM - RC8 - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: LINH - ĐNAM - HUY	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÀ NGỌC THANH	RCDM	64-65	2	17	36	72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TÂM	RCDM	63	1	14		76	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN MẠNH CUÔNG	RC8	46	1	10		74	CODIEN	Vietnamese
4	ĐINH VĂN HOÀNG	RC8	44-45	2	19		95	CODIEN	Vietnamese
5	AKOPOV D.	RP3	13	1	6		84	KH-THAC	Russian
6	KHARITONOV YURY	RP3	06	1	8		78	KHI	Russian
7	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	10	1	6		82	KHI	Vietnamese
8	VŨ MẠNH CUÔNG	RP3	23	1	5		72	KHI	Vietnamese
9	PHẠM HOÀNG NGUYỄN	RP3	12	1	4		68	KHI	Vietnamese
10	PHẠM VĂN KÝ	RP3	09	1	5		63	KHI	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN HẢI	RP3	16	1	7		64	KHI	Vietnamese
12	LÊ XUÂN VIỆT	RP3				60	79	KHI	Vietnamese
13	VŨ ĐÓN LONG	RP3	11	1	13		72	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG NAM	RP3	14-15	2	6		64	KHI	Vietnamese
15	ĐẠO QUY HỘI	RP3	17-19	3	15	30	75	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN KHẮC ĐỊNH	RP3	20	1	10		65	KHI	Vietnamese
17	PHẠM VĂN PHƯƠNG	RP3	21-22	2	19		64	KHI	Vietnamese
18	BUI VĂN LONG	RP3	05	1	3		70	PSV	Vietnamese
19	ĐOÀN CHÍ TÀI	RP3	07-08	2	7		76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	2	3	31	148	36	0		
2	RC8	2	3	29	169	0	0		
3	RP3	15	19	114	1.076	90	22		
TOTAL		19	25	174	1.393	126	22		
WEIGHT KG				174	1.393	126			

GRAND TOAL: 1.693 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/08/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:20
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: MMINH - ĐTRUNG	ETA: 14:30
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	T.UNG	44	1	9	75	70	PVEP ITC	Vietnamese
2	ZELENSKY A.	T.UNG	54-55	2	10		85	KH-THAC	Russian
3	PHẠM HỒNG SƠN	T.UNG	50-51	2	8		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VIỆT TUNG	T.UNG					74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG DƯƠNG	T.UNG	46	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ DUY DŨNG	T.UNG	49	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH NAM	T.UNG	48	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
8	KIEU XUÂN TÂM	T.UNG	57	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN THỊ	T.UNG	52	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔ HUNG DŨNG	T.UNG	59	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH HAI	T.UNG	47	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN QUANG HOA	T.UNG					75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CAO	T.UNG	61	1	18		65	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN LÊM	T.UNG	60	1	12		68	CODIEN	Vietnamese
15	VŨ MẠNH ĐIẾP	T.UNG	64-65	2	18	8	72	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN HIỆP THANH	T.UNG	56,58	2	16		80	CODIEN	Vietnamese
17	PHI THANH HỒNG	T.UNG	62-63	2	18		70	CODIEN	Vietnamese
18	VŨ VĂN PHÚC	T.UNG	45	1	5		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	18	21	154	1.307	83	13		
TOTAL		18	21	154	1.307	83	13		
WEIGHT KG				154	1.307	83			

GRAND TOAL: 1.544 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN